

Số:...../GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;*

*Xét Văn bản số 36/HX-CV ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Hòa Xá về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp GPMT cho cơ sở Nhà văn phòng cho thuê và Kinh doanh dịch vụ thương mại và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 293/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 4 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hòa Xá, địa chỉ tại số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên Cơ sở: Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty Cổ phần Hòa Xá.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0800269426, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30/10/2025.

1.4. Mã số thuế: 0800269426.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê văn phòng, dịch vụ lưu trú và kinh doanh dịch vụ thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 4.440m<sup>2</sup>.

- Nhóm Dự án: Cơ sở có quy mô tương đương với Dự án đầu tư Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô Cơ sở: Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại với quy mô: 01 tầng hầm, 16 tầng nổi.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hòa Xá:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hòa Xá có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường..

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày....tháng....năm 2036*).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Lê Thanh Nghị;
- Công ty Cổ phần Hòa Xá;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Công Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Lưu: VT, N.X.Thành.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày....tháng.....năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải từ các nhà vệ sinh ở các tầng của Tòa nhà.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa vật liệu lọc của thiết bị lọc nước bể bơi.
- Nguồn số 04: Nước bể bơi xả thải định kỳ.

##### **2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống D200 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung ở phía Bắc Cơ sở, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng, dẫn vào kênh T2, qua trạm bơm Bình Lâu xả thải ra sông Sắt.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: tại hố ga xả nước thải đầu nối vào hệ thống thoát nước chung ở phía Bắc của cơ sở thuộc địa bàn phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)= 2316327,1 Y(m) = 583398,7 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy vào hệ thống thoát nước chung ở phía Bắc Cơ sở.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1; cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9		
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )(tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

\* **Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01:

+ Nước thải từ các bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh → Đường ống PVC D110 → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn cầu, âu tiêu của các nhà vệ sinh ở các tầng của Tòa nhà → Đường ống PVC D90 - D125 → Bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 02:

+ Nước thải từ chậu rửa nhà bếp → Bể tách mỡ (đặt dưới chậu rửa, dung tích 0,1m<sup>3</sup>) → Ống PVC D110 → Bể tách mỡ đặt tại tầng hầm Tòa nhà (dung tích 7,9m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC D110 → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thoát sàn khu vực nhà bếp → Ống PVC D110 → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa vật liệu lọc của thiết bị lọc nước bề bơi → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước bề bơi xả thải định kỳ → Đường ống PVC D110 → Đường ống đứng PVC D125 → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ bồn cầu, hồ tiêu của nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Dung tích: 01 bể tự hoại 03 ngăn, dung tích thiết kế 113m<sup>3</sup>.

### 1.2.2. Bể tách mỡ

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ chậu rửa nhà bếp → Ngăn tách mỡ → Ngăn chứa nước thải sau khi tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Dung tích: 02 bể tách mỡ, tổng dung tích thiết kế 8m<sup>3</sup> (01 Bể tách mỡ đặt tại tầng hầm Tòa nhà, dung tích 7,9m<sup>3</sup>; 01 bể tách mỡ đặt tại dưới bồn rửa, dung tích 0,1m<sup>3</sup>).

### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hồ ga xả thải ở phía Bắc cơ sở → Hệ thống thoát nước chung khu vực → Kênh T2 → Trạm bơm Bình Lâu → Sông Sắt. Bùn thải phát sinh tại bể lắng định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất thiết kế 80 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: men vi sinh, NaClO 5% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu chất lượng đầu ra tại Mục 2.6 Phần A phụ lục này).

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/ NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng để loại bỏ các chất bẩn.

- Bố trí nguồn lực để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và ứng phó sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa khắc phục sự cố sẽ không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh được lưu giữ tạm thời tại các bể của hệ thống xử lý nước thải, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải được tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể không còn khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể đi xử lý theo quy định.

- Trường hợp sự cố lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường phải lập tức thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.5. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đấu nối nước thải vào hệ thống tiếp nhận; không xả nước thải ra môi trường khi chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Từ thiết bị thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

### 2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 2.1. Tiếng ồn

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian và mức ồn cho phép (dBA)		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực A	50	45	40
Khu vực B	55	50	45
Khu vực C	60	55	50
Khu vực D	65	60	55
Khu vực E	70	65	60

QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

#### 2.2. Độ rung

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian và mức gia tốc độ rung cho phép (dB)	
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực A	60	55
Khu vực B	65	60
Khu vực C	70	65
Khu vực D	75	70

QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung cho máy bơm, máy thổi khí, máy phát điện dự phòng.

- Chỉ vận hành máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện lưới.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn, kiểm định đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định.

### Phụ lục 3

## **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.... tháng....năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

#### **1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

##### **1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	16 01 13	NH	2
2	Pin thải	Rắn	16 01 12	NH	3
3	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	KS	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	15
<b>Tổng số lượng</b>					<b>30</b>

##### **1.2. Khối lượng chất thải thông thường phát sinh thường xuyên**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Bùn thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	262,8
2	Bùn thải từ bể tự hoại	29,58
3	Bùn thải từ tách mỡ	388,8
4	Cát lọc thải bỏ từ thiết bị lọc bể bơi	100
<b>Tổng</b>		<b>781,18</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 143,64 tấn/năm.

1.4. Bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước khoảng 1 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Kho chứa: 01 kho chứa, diện tích 14,5m<sup>2</sup> bố trí tại tầng 1 của Tòa nhà. Kho chứa nền đổ bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, rãnh hồ thu gom chống tràn; khu vực lưu giữ đặt các bình chữa cháy, có biển tên, biển dấu hiệu cảnh báo, mã chất thải theo quy định.

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### **2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường**

- Bùn thải phát sinh tại bể lắng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ định kỳ nạo vét và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Cát lọc thải bỏ từ thiết bị lọc bể bơi định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

### **2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn như sau:

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại.
- Chất thải công kênh.
- Chất thải sinh hoạt khác còn lại.

Chất thải rắn công kênh không thể tái sử dụng trực tiếp, Chủ Cơ sở có trách nhiệm sắp xếp gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường để chuyển giao cho cơ sở thu gom hoặc tự vận chuyển đến nơi tiếp nhận (điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải rắn công kênh); các loại chất thải rắn sinh hoạt khác được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải và màu sắc của bao bì, thiết bị đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại theo quy định tại Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật.

2.4. Bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước phải được phân định và quản lý, chuyển giao theo quy định tại Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc theo quy định hiện

hành của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

## **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.... tháng....năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Không có.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chủ Cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

---